

B án số: 06/2024/HS - ST
Ngày: 29 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- *THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Liễu

Thẩm phán: Ông Vũ Văn Túc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Minh Nhiên

Bà Phan Thị Bích

Bà Nguyễn Thị Nhung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:* Bà H Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2023/TLST - HS ngày 28 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

NGUYỄN CÔNG V, sinh năm 1968 tại huyện Q, thành phố Hà Nội. Nơi thường trú: Thôn 7, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Hoàng Thị C (đã chết); Vợ Nguyễn Thị T và có 03 con, lớn sinh năm 1991 và nhỏ sinh năm 2001.

Tiền sự: không. Tiền án: Ngày 24/7/2014, Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt tù theo Quyết định thi hành án phạt tù số 781/2023/QĐ - CA ngày 20/11/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tại Bản án số 800/2023/HS - PT ngày 17/10/2023 của Tòa án nhân dân

cấp cao tại Hà Nội (thời hạn tính từ ngày tạm giam 19/01/2022).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Mông Thị D - Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hòa Bình.

- *Bị hại*

+ Ông Nguyễn Đắc D, sinh năm 1982 và bà Phạm Thu H, sinh năm 1986. Trú tại: xóm 19, C, B, Hà Nội.

+ Ông Phùng Minh L, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1971. Trú tại: Phòng 905, tòa nhà Thủy Lợi 28A L, tổ dân phố số 6, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973. Trú tại: khu X, thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ:* Luật sư Nguyễn Thị Ngọc D – Công ty Luật TNHH T thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*

+ Ông Bùi Thanh B, sinh năm 1962; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; chị Bùi Thanh Th, sinh năm 1990. Cùng trú tại: xóm G, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

+ Công ty cổ phần đầu tư tài chính F (gọi tắt là Công ty F). Địa chỉ: số 34, Nguyễn Khánh T, Quan H, quận C, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Lương Thị Anh H1, sinh năm 1961 - Giám đốc. Trú tại: số nhà 03, khu đô thị mới V, huyện H, thành phố Hà Nội.

+ Anh Bùi Minh Đ1, sinh năm 1987. Trú tại: Quán Tr, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình.

+ Anh Nguyễn Duy Th, sinh năm 1985. Trú tại: thôn 4, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Trịnh Bích Th, sinh năm 1973. Trú tại: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

+ Chị Lê Thị D, sinh năm 1985. Trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

+ Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1973. Trú tại: xóm S, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

+ Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1970. Trú tại: 262 Nguyễn X, phường H, quận T, thành phố Hà Nội.

(Bị cáo V, ông L, bà L, ông B, bà H, chị Th, anh Th, bà Th, chị D, ông Th có đơn xin xét xử vắng mặt, Công ty F, ông T vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ; Luật sư Mông Thị D, ông D, bà H, ông Đ, Luật sư D, anh Đ1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/01/2008, Nguyễn Công V nhận chuyển nhượng thửa đất số 14, tờ B đồ K15, diện tích 3,50ha; địa chỉ thửa đất: xóm G, T (nay là L), L, Hòa Bình, là loại đất rừng trồng, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/02/1999 từ hộ ông Bùi Thanh B. Sau đó V bán lại thửa đất đó cho Công ty Cổ phần đầu tư tài chính F (Công ty F), do bà Lương Thị Anh H là người đại diện theo pháp luật và bàn giao cho Công ty F Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 498467. Đến ngày 14/01/2013, ông Bùi Thanh B được Ủy ban nhân dân huyện L cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 672/QĐ-TTg, ngày 28/4/2006 của Thủ tướng chính phủ. Thông tin thửa đất sau khi cấp đổi là: Thửa đất số 517, tờ B đồ số 01; địa chỉ Đồi B, xóm G, T (nay là L), L, Hòa Bình; diện tích 43.654,0m² (diện tích đất tăng từ 3,50ha lên 43.654,0m² là do năm 1999 việc đo đạc bằng phương pháp khoan vẽ bằng tay nên độ chính xác thấp, còn năm 2007 đã sử dụng phương pháp đo đạc bằng máy, loại đất rừng sản xuất, số phát hành BL526009, vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH0002. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đổi, ông B tiến hành bàn giao đất cũng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty F quản lý (ông Bùi Thanh B có photo lại 01 bản Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL526009, nhưng sau đó do Nguyễn Công V xin lại nên ông B đã đưa bản photo đó cho V).

Khoảng tháng 7 năm 2019, do cần tiền để chi tiêu cá nhân và trả nợ, Nguyễn Công V đã nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 526009 để vay nợ hoặc bán cho người khác. Nguyễn Công V lên mạng tìm kiếm và thông qua ứng dụng Zalo có biết người có tên nick name “Luu Chí K” ở Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ tên, tuổi, địa chỉ, đặc điểm nhận dạng) nhận làm các loại giấy tờ giả. Nguyễn Công V liên hệ và thỏa thuận làm giả 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, V chụp ảnh bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 526009 có đầy đủ thông tin về tên, tuổi, địa chỉ người sử dụng đất, thông tin của thửa đất cần làm giả và gửi qua ứng dụng Zalo cho “Luu Chí K” để làm giả, giá mỗi giấy là 12.000.000đ. V thông qua qua dịch vụ chuyển tiền của Viettel tại Hòa P, Hòa T, Q, Hà Nội chuyển khoản số tiền 4.000.000đ đến một tài khoản (V không nhớ số tài khoản) do “Luu Chí K” đưa ra để đặt cọc. Khoảng 3 - 4 ngày sau thì được nhân viên bưu điện (quá trình xác minh không đủ căn cứ xác định nhân thân, lai lịch, đặc điểm nhận dạng) liên hệ giao cho V 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, còn V chuyển số tiền 20.000.000đ cho người này.

Khoảng cuối năm 2020, Nguyễn Công V mang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến nhà ông B và nói với ông B rằng Công ty F đã giao cho V

quản lý, toàn quyền quyết định đối với thửa đất trên. V thỏa thuận, thanh toán thêm cho ông B số tiền 200.000.000đ phần diện tích đất tăng và 50.000.000đ tiền công trông coi cây cối, đất đai. Tin tưởng vào những thông tin do V nói nên ông B nhận số tiền trên, đồng thời ký các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho những người khác theo yêu cầu của V. Từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 4 năm 2021, Nguyễn Công V đã sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đưa ra các thông tin gian dối để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.540.000.000đ các cá nhân, cụ thể:

1. Hnh vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 650.000.000 đồng của ông Nguyễn Đắc D và bà Phạm Thu H

Đầu tháng 12 năm 2020, Nguyễn Công V dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 526009 đã làm giả để thỏa thuận, thống nhất bán cho vợ chồng ông Nguyễn Đắc D và bà Phạm Thu H diện tích 8.419,7m² đất. Do đó, ngày 11/12/2020, tại UBND xã L, huyện L, Nguyễn Công V tiến hành làm thủ tục chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 8.419,7m² với giá 800.000.000 đồng cho gia đình ông Nguyễn Đắc D và bà Phạm Thu H. Sau khi thực hiện xong các thủ tục chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng (số chứng thực 364 ngày 11/12/2020), ông D và bà H đã chuyển số tiền 650.000.000 đồng cho Nguyễn Công V. Còn lại số tiền 150.000.000 đồng hai bên thỏa thuận khi nào làm xong các thủ tục tách thửa thì bàn giao nốt. Đồng thời, Nguyễn Công V nói với ông D và bà H là V giữ lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục tách thửa theo thỏa thuận. Sau khi chiếm đoạt được 650.000.000 đồng của ông D và bà H, Nguyễn Công V đã chi tiêu sử dụng cá nhân hết.

Do thấy đã lâu mà V không làm thủ tục tách thửa để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mình, ông D và bà H đã nhiều lần yêu cầu Nguyễn Công V trả lại số tiền 650.000.000 đồng. Khoảng đầu tháng 3/2021, V trả cho ông D và bà H số tiền 280.000.000 đồng và nói với ông D và bà H là sẽ cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất để vay tiền, đồng thời sẽ ký hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký với ông D, bà H và trả nốt số tiền 370.000.000 đồng cho ông D, bà H.

2. Hnh vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng của ông Phùng Minh L và bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Ngày 31/12/2020, Nguyễn Công V nhờ ông B ký một Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 35.234,4m² (nằm trong diện tích đất 43.654,0m² được ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà V đã làm giả) sang tên V, đề giá tại hợp đồng là 500.000.000đ. Sau đó, V và ông B cùng đi đến UBND xã L. Tại đó, V cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà V đã làm giả cho cán bộ Ủy ban để làm thủ tục chứng thực hợp đồng, do không phát hiện ra là Giấy CNQSDĐ giả nên anh Bùi Minh Đ1 là Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã L

đã làm thủ tục chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên (chứng thực ngày 31/12/2020, số chứng thực 456 quyền số 01/2020 TP/CC-SCT/HĐGD).

Khoảng đầu tháng 01/2021, có mối quan hệ quen biết xã hội từ trước, V đặt vấn đề vay số tiền 300.000.000đ của ông Phùng Minh L và bà Nguyễn Thị Ngọc L. Ông L, bà L đồng ý cho vay với điều kiện V phải có tài sản để làm tin, Nguyễn Công V đã thỏa thuận với ông L, bà L dùng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 35.234,4m² mà V đã nhờ ông B ký hợp đồng chuyển nhượng sang tên V (kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà V đã làm giả) để vay tiền của ông L, ông L đồng ý.

Sau khi thống nhất, thỏa thuận với ông L và bà L, Nguyễn Công V đề nghị ông B và gia đình ký hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do V và B đã ký trước đó (số chứng thực 456 ngày 31/12/2020). Khi chứng thực hủy hợp đồng, Nguyễn Công V nói với anh Bùi Minh Đ1 và ông Bùi Thanh B mục đích ký hủy hợp đồng này để V vay tiền ông L, đề nghị Đ1 để hợp đồng này ngoài hệ thống phần mềm quản lý chứng thực hợp đồng (số chứng thực 132 ngày 05/01/2021). Do nể nang và tin tưởng Nguyễn Công V nên Đ1 đã để ngoài hệ thống đối với Hợp đồng số chứng thực 132 (công chứng treo).

Sáng ngày 08/01/2021, V nhờ ông B và gia đình ông B tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BL 526009, thửa đất số 517, diện tích 35.234,4m² cho ông Phùng Minh L với giá bán trên hợp đồng là 500.000.000đ. Khi chứng thực, tại UBND xã L, huyện L, Nguyễn Công V cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà V đã làm giả cho anh Bùi Minh Đ1 - Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã L để làm thủ tục chứng thực (có mặt V và gia đình ông B đến để ký hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, các thành viên gia đình ông B ký tại phần bên chuyển nhượng). Sau đó V, ông B và ông Bùi Minh Đ1 là Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã L cùng nhau đến nhà ông Phùng Minh L tại P905, Chung cư Thủy Lợi, số 28A, L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội để ông L ký bên nhận chuyển nhượng. Sau khi ký xong hợp đồng chứng thực, Nguyễn Công V bàn giao cho ông L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để quản lý. Trên đường từ nhà L về L, Hòa Bình, V có đưa cho anh Bùi Minh Đ1 số tiền 5.000.000đ và nói là 1.000.000đ để đi taxi về, còn 4.000.000đ để cảm ơn Đ1 đã đi chứng thực hợp đồng cho V. Do không biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do V đưa cho L là giả, Đ1 cầm hồ sơ về UBND xã để chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông Bùi Thanh B và ông Phùng Minh L. Đầu giờ chiều cùng ngày, anh Bùi Minh Đ1 trình hồ sơ trên cho ông Nguyễn Ngọc Th - Phó Chủ tịch UBND xã L ký. Sau đó, anh Bùi Minh Đ1 gọi V đến nhận hợp đồng, lúc này, V nhờ anh Đ1 để ngoài hệ thống phần mềm quản lý đối với hợp đồng này vì mục đích ký hợp đồng để V vay tiền L, chỉ để vài

hôm thì hủy hợp đồng chuyển nhượng cho người khác. Do nỗ lực V nên Đ1 đã đề ngoài hệ thống đối với hợp đồng này, nhưng lại lấy số chứng thực 133 (chứng thực treo). Ngày 09/02/2021, sau khi làm xong thủ tục chứng thực hợp đồng chuyển nhượng V đến nhà Phùng Minh L nhận số tiền 300.000.000đ bằng tiền mặt của ông L và viết một giấy nhận tiền.

Sau khi chiếm đoạt số tiền 300.000.000đ của ông L, Nguyễn Công V đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân. Do nhiều lần đòi tiền V không được, ngày 13/12/2021 gia đình ông L đã đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L để đăng ký biến động quyền sử dụng đất sang tên ông L thì được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thông báo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 526009 mà gia đình L đang quản lý bị nghi là giả, gia đình ông L đã bàn giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

3. Hình vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 590.000.000đồng của ông Nguyễn Văn Đ

Đầu tháng 4 năm 2021, Nguyễn Công V tiếp tục dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm giả còn lại liên hệ với ông Nguyễn Văn Đ để bán thửa đất số 517, diện tích 43.654m². Nguyễn Công V nói với ông Đ là thửa đất trên V đã mua nhưng vẫn đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Bùi Thanh B. Để ông Đ tin, V đưa cho ông Đ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đó. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đ đã tin tưởng và quyết định mua, ông Đ đến nhà V tại thôn 7, xã P, huyện Q và thỏa thuận thống nhất giá chuyển nhượng là 600.000.000đ (nhưng trên thực tế giá chuyển nhượng là 590.000.000đ).

Chiều ngày 16/4/2021, V nhờ hộ ông Bùi Thanh B ký Hợp đồng hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất với ông Nguyễn Đắc D và bà Phạm Thu H. Tại UBND xã L, L, Hòa Bình, bà Lê Thị D - công chức Tư pháp - Hộ tịch đã thực hiện chứng thực việc hủy bỏ hợp đồng trên vào ngày 16/4/2021, số chứng thực 217 quyền số 01/2021-SCT/HĐ GD. Trước khi hộ ông B và vợ chồng ông D và bà H ký Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, V bảo Đ chuyển khoản cho bà H số tiền 370.000.000đ để hủy Hợp đồng chứng thực **số** 364 và trừ số tiền này vào tiền bán đất. Cùng lúc đó, ông Đ và V thỏa thuận nội dung: V (thông qua gia đình ông B ký) chuyển nhượng quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 517, tờ B đồ số 01, diện tích 43.654m², về mặt hình thức thiết lập hợp đồng ủy quyền giữa gia đình ông B ủy quyền cho ông Đ được toàn quyền chuyển nhượng diện tích 43.654m². Trước khi ký hợp đồng, V là người cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho anh Bùi Minh Đ1 - Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã L, V nói với anh Đ1 là đã trả nợ ông L và lấy lại GCNQSDĐ về, mấy hôm nữa ông L lên ký hủy hợp đồng. Mặc dù Bùi Minh Đ1 biết rõ việc ký hợp đồng do Đ1 soạn thảo Hợp đồng chuyển nhượng một phần diện

tích thửa đất là 35.234,4m², giữa V (gia đình ông B ký) và Phùng Minh L vẫn còn hiện hành nhưng do tin tưởng vào lời nói của V nên anh Đ1 vẫn tiến hành soạn thảo hợp đồng và thủ tục chứng thực Hợp đồng ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa B và ông Đ. Sau khi thống nhất nội dung trên, ông Đ và V không đề ý nội dung về diện tích ủy quyền mà cứ thế ký hợp đồng ủy quyền được UBND xã L, L, Hòa Bình chứng thực ngày 16/4/2021, số chứng thực 216 quyền số 01/2021, SCT/HĐGD. Sau khi ký hợp đồng trên, Đ chuyển khoản cho V số tiền 140.000.000đ (trong đó: Đ chuyển cho V số tiền 126.000.000đ vào tài khoản của V; chuyển 14.000.000đ vào tài khoản khác do V yêu cầu) để trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau đó, V bảo Đ chuyển khoản cho anh Bùi Minh Đ1 số tiền 30.000.000đ và trừ vào tiền mua đất, V nói với Đ1 đây là tiền cảm ơn. Sau đó, Đông được Đ1 giao 03 Hợp đồng ủy quyền và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 517 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số 1) và mang về cất giữ ở nhà.

Khoảng đầu tháng 5/2021, ông Đ đọc kỹ lại hợp đồng thì thấy phạm vi ủy quyền không đúng theo thỏa thuận, cụ thể Đ chỉ được ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 8.419,7m² Đ gọi điện cho Bùi Minh Đ1 để hỏi rõ lý do thì được anh Đ1 cho biết do sơ ý nên đã sao chép nhầm nên để diện tích 8.419,7m² trong nội dung hợp đồng ủy quyền. V nói đó là lỗi nhầm của anh Bùi Minh Đ1, V không có lỗi. Ông Đ yêu cầu V phải đến UBND xã L để làm hợp đồng chuyển nhượng cho Đ toàn bộ thửa đất 517, diện tích 43.654m² cho Đ. Sáng sớm ngày 12/5/2021, ông Đ đến nhà V để yêu cầu đi cùng Đ đến UBND xã L làm thủ tục hủy bỏ **hợp** đồng ủy quyền giữa V (thông qua B) và Đ đã ký trước đó và ký lại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nội dung V chuyển nhượng cho Đ toàn bộ diện tích 43.654m², đồng thời, V bảo Đ chuyển cho ông B số tiền 50.000.000đ là tiền công trông coi cây cối và trừ vào tiền Đ mua đất của V, nhưng do Đ không có tiền mặt nên chưa chuyển tiền cho V. Mặc dù Bùi Minh Đ1 biết rõ việc Hợp đồng chuyển nhượng một phần diện tích thửa đất là 35.234,4m² giữa V (gia đình ông B ký) và Phùng Minh L vào ngày 08/01/2021 vẫn còn hiện hành, Đ1 không báo cáo với ông Nguyễn Ngọc Th - Phó Chủ tịch UBND xã L, nhưng ngày 12/5/2021, Đ1 vẫn soạn thảo và tiến hành làm thủ tục chứng thực các hợp đồng theo yêu cầu của V và ông Đ. Cả 03 hợp đồng được soạn thảo và ký cùng một thời điểm, gồm: Nguyễn Công V và Bùi Thanh B ký hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 11/5/2021 (Số chứng thực 251, lời chứng đề ngày 12/5/2021, quyền số 01/2021) do trước đó Bùi Minh Đ1 để ngoài hệ thống với hợp đồng này (Văn B thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng CNQSDĐ, số chứng thực 132, quyền số 01/2021); Hộ ông Bùi Thanh B ký Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn Đ (số chứng thực hợp đồng 252, quyền số 01/2021-SCT/HĐGD); V (thông qua B) ký hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng toàn bộ thửa đất 517, tờ B đồ số 01, diện tích 43.654m² cho ông Nguyễn Văn Đ (số chứng thực 253 quyền số 01/2021-SCT/HĐGD). Sau khi nhận hợp đồng, ông Đ chuyển vào tài khoản của anh Bùi Minh Đ1 số tiền 70.000.000đ (trong đó 50.000.000đ ông Đ nhờ Đ1 chuyển cho ông B, còn 20.000.000đ là ông Đ tự nguyện cho Đ1 để cảm ơn, không tính vào tiền mua bán đất với V). Chiều ngày 12/5/2021, Nguyễn Văn Đ đã đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L để nộp hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L không phát hiện ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả nên ngày 26/5/2021 đã đính chính xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ tại trang 3 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, tính từ ngày 16/4/2021 đến ngày 12/5/2021, bằng thủ đoạn gian dối, Nguyễn Công V đã thông qua nhiều hình thức, cũng như qua nhiều người để nhận và chiếm đoạt số tiền 590.000.000đ của ông Đ và sử dụng vào mục đích cá nhân.

Ngày 20/7/2021, ông Đ chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Nguyễn Quang T sinh năm 1970, nơi thường trú: Tổ dân phố Xuân H, X, C, Hà Nội) với giá ghi trên hợp đồng là 500.000.000đ. Văn phòng Công chứng D, địa chỉ: phường K, thành phố Hòa Bình, Hòa Bình không phát hiện ra Giấy CNQSDĐ (GCNQSDĐ giả số 2) là giả nên đã chứng thực hợp đồng số 1082, quyền số: 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD. Sau đó ông Đ và ông T đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất. Khi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L tiếp nhận hồ sơ thì nghi vấn Giấy CNQSDĐ này có dấu hiệu giả mạo.

Ngày 13/12/2021, do nghi vấn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà mình đã nhận từ Nguyễn Công V là giả, gia đình ông L đã đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L để đối chiếu. Khi Văn phòng đăng ký đất đai huyện L tiếp nhận hồ sơ thì nghi vấn Giấy chứng nhận QSDĐ này có dấu hiệu giả mạo nên đã chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L.

Ngày 06/5/2022, Viện khoa học hình sự Bộ Công an có Kết luận giám định số 2354/KL-KTHS và Kết luận giám định số 2648/KL-KTHS đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 517, tờ bản đồ số 01, địa chỉ Đ, xóm G, xã T (nay là L), L, Hoà Bình, diện tích 43.654,0m², loại đất rừng sản xuất số phát Hnh BL 526009, kết luận: “02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cần giám định (ký hiệu mẫu A1, A2) là các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là giả.”

Ngày 05/01/2023, Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Hoà Bình có Kết luận giám định số 27/KL-KTHS, kết luận: “Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BL 526009 mang tên người sử dụng đất là hộ ông Bùi Thanh B, sinh năm 1962, địa chỉ thường trú: xóm G, xã T, huyện L, Hoà Bình cần giám định (ký hiệu A) là thật.” (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Công ty F nộp).

Ngày 25/02/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hoà Bình có Kết luận giám định số 76/KL-KTHS, kết luận: “*Chữ viết ghi nội dung và chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Công V trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1: Chữ viết ghi nội dung và chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Công V trên Giấy biên nhận ngày 09/02/2021, ký hiệu A2: chữ viết, chữ ký tên Nguyễn Công V trên Hợp đồng huỷ bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/05/2021 và một số tài liệu khác) với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Công V trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người ký và viết ra*”.

Cáo trạng số 77/CT – VKS – P2 ngày 20/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đối với Nguyễn Công V về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Trình bày luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, phân tích, đánh giá hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công V phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công V 13 đến 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 03 năm đến 04 năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội từ 16 năm đến 18 năm. Tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự phúc thẩm số 800/2023/HS – PT ngày 17/10/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 30 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, buộc bị cáo V phải trả lại số tiền chiếm đoạt cho các bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công V, luật sư Mông Thị D trình bày: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt

cho bị cáo, bị cáo đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả do hành vi của mình gây ra, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Công V có ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2024: Bị cáo nhất trí để Luật sư Mông Thị D bào chữa cho bị cáo. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và nhận thức hành vi này là sai trái pháp luật, bị cáo xin lỗi các bị hại và mong các bị hại tha lỗi cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: hiện ông D và bà H, bị cáo đã trả xong tiền, ông L và bà L không yêu cầu bồi thường, nên bị cáo chỉ còn gây thiệt hại cho ông Đ với số tiền là 590.000.000đ, bị cáo cũng nhất trí sẽ bồi thường cho ông Đ.

Bị hại ông Nguyễn Đắc D, bà Phạm Thị Thu H: Về trách nhiệm hình sự: đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: số tiền bị cáo V chiếm đoạt là 650.000.000đ, đã được bị cáo V trả làm hai lần, một lần 280.000.000đ và một lần 370.000.000đ. Do bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt nên ông D, bà H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Ông Phùng Minh L, bà Nguyễn Thị Ngọc L vắng mặt, nhưng có quan điểm giải quyết vụ án: Về trách nhiệm hình sự: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: gia đình không yêu cầu bị cáo V phải bồi thường.

Ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Về trách nhiệm hình sự: đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị được Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đ và gia đình ông B. Ông Đ đang giữ hộ ông B số tiền 63.000.000đ nhưng không được nhận lại từ ông B số tiền trông coi cây cối là 50.000.000đ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết, bảo vệ quyền lợi cho ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ: Đề nghị công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa gia đình ông B và ông Nguyễn Văn Đ vì ngay tình, ông Đ không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả, bản thân cơ quan chuyên môn cũng không phát hiện là giả nên trường hợp này là ngay tình, giao dịch là hợp pháp. Đề nghị tuyên ngay tình để bảo vệ quyền lợi cho ông Đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Bùi Thanh B, bà Nguyễn Thị H, chị Bùi Thị Th vắng mặt nhưng có ý kiến: gia đình chỉ bán đất cho Công ty F, việc ký kết các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các cá nhân là do tin tưởng bị cáo V đã được Công ty F bán lại. Ông B tự nguyện trả lại 50.000.000đ tiền trông coi cây cối nếu ông Đ yêu cầu. Đối với số tiền 200.000.000đ nhận từ bị cáo V là do lúc V nói là Công ty đã giao toàn quyền cho V quyết định đối với thửa đất 517, ông B có yêu cầu V hỗ trợ thêm tiền do diện

tích đất được tăng thêm, bị cáo V đã hỗ trợ cho gia đình ông B khi ông đang xây nhà, số tiền này đưa làm nhiều đợt, không lập giấy tờ, ông B không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Duy Th vắng mặt nhưng có lời khai: anh và bị cáo V là quen biết xã hội. Năm 2021, bị cáo V có mua ở cửa hàng của anh 01 máy tính bàn và 01 máy in, do thời gian lâu nên không nhớ nhãn hiệu gì, một thời gian sau thì tài khoản của anh báo đã nhận được 14.000.000đ do bị cáo V gọi đến và báo là thanh toán tiền máy tính. Số tiền trên anh đã sử dụng chi tiêu hết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đại diện theo pháp luật (bà Lương Thị Thanh H) của Công ty F vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra có lời khai: Bị cáo V là người môi giới bất động sản để Công ty F mua đất của gia đình ông B, việc mua bán có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân xã L sau đó Ủy ban nhân dân huyện L cũng đã thẩm định hồ sơ và xác nhận nội dung trên, Công ty đã làm thủ tục nộp vào Ngân sách nhà nước là 8.750.000đ nhưng chưa đăng ký biến động. Thời điểm mua bà H đã đưa cho bị cáo V: 1.925.000.000đ. Do diện tích tăng thêm mà ông B đòi thêm tiền, do chưa thống nhất được nên Công ty chưa sang tên nhưng Công ty vẫn đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông B (được giám định là thật) kể từ khi mua bán với gia đình ông B. Đề nghị làm rõ hành vi của Nguyễn Công V để xử lý nghiêm minh, đảm bảo quyền lợi cho Công ty, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Bùi Minh Đ1 trình bày: Bản thân anh Đ1 không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả, tuy nhiên quá trình thực hiện nhiệm vụ, anh Đ1 có làm thủ tục công chứng 05 hợp đồng liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trong đó có hợp đồng hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa gia đình ông B và bị cáo V và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L, bà L và gia đình ông B là Đ1 để ở ngoài hệ thống sổ sách. Ngoài ra, khi biết vẫn tồn tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L, bà L và ông B nhưng do nể nang Đ1 vẫn làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình ông B và ông Đ. Tổng số tiền đã nhận là 55.000.000đ (trong đó: 05 triệu là do bị cáo V đưa trên đường từ nhà ông L về; 30.000.000đ do bị cáo V bảo ông Đ chuyển khoản với lý do cảm ơn; 20.000.000đ là do ông Đ chuyển khoản cho anh Đ1 để cảm ơn các cán bộ làm nhiệm vụ), hiện Đ1 đang bị khởi tố điều tra về tội Nhận hối lộ đối với số tiền trên. Số tiền này đã được gia đình Đ1 nộp thay cho Đ1 trong vụ án mà Đ1 đang bị khởi tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội, trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo

[2.1]. Quá trình giải quyết tại cơ quan điều tra cũng như lời khai trong thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Công V thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Do cần tiền chi tiêu cá nhân và trả nợ, bị cáo V lên mạng tìm kiếm và thông qua ứng dụng Zalo có biết người có tên nick name “Lưu Chí K” ở thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo V chụp ảnh bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 526009 có đầy đủ thông tin về tên, tuổi, địa chỉ người sử dụng đất, thông tin của thửa đất cần làm giả và gửi qua ứng dụng Zalo cho “Lưu Chí K” để làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 526009, mục đích vay nợ hoặc bán cho người khác. Từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 4 năm 2021, mặc dù Nguyễn Công V không có quyền sử dụng thửa đất 517, tờ bản đồ số 01, địa chỉ Đ, xóm G, T (nay là L), L, Hòa Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 526009 nhưng đã sử dụng 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của thửa đất nêu trên để đưa ra các thông tin gian dối nhằm thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.540.000.000đ của các cá nhân (lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn Đ số tiền 590.000.000đ, của ông Nguyễn Đắc D và bà Phạm Thu H số tiền 650.000.000đ, của ông Phùng Minh L và bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 300.000.000đ). Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: bị cáo Nguyễn Công V phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Bị cáo Nguyễn Công V là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã thực hiện là đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm quyền sở hữu

tai sản của người khác, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo giáo dục, răn đe bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[2.3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Trong quá trình nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội 2 lần trở lên, bị cáo có 01 tiền án (Ngày 24/7/2014, Tòa án nhân dân huyện Q, Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản) nên hành vi phạm tội lần này được xác định là tái phạm đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và khắc phục được một phần hậu quả, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo hiện được chuẩn đoán suy thận mạn giai đoạn 5, suy tim, tăng huyết áp, đực thủy tinh thể. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.4]. Đối với đối tượng sử dụng zalo “*Lưu Chí K*” để nhận làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Nguyễn Công V trả công với số tiền 24.000.000đ. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch, đặc điểm nhận dạng của đối tượng “*Lưu Chí K*”, người chuyển giao 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và không xác định được số tài khoản nhận tiền cọc nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với ông Bùi Thanh B và những người trong hộ gia đình ông B: Quá trình điều tra xác định, do tin tưởng thông tin Nguyễn Công V đưa ra, không biết Nguyễn Công V sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 526009 giả, không được bàn bạc, thoả thuận, hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội của Nguyễn Công V, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với anh Bùi Minh Đ1, chị Lê Thị D: Quá trình điều tra xác định Nguyễn Công V không bàn bạc, thoả thuận, ăn chia lợi nhuận; bản thân anh Đ1, chị D không nhận biết được các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có trong hồ sơ chứng thực là giả. Do đó, không đồng phạm với Nguyễn Công V, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chứng thực đất cho Nguyễn Công V, Bùi Minh Đ1 đã có những hành vi vi phạm trong khi thi hành công vụ. Do đó, ngày 04/06/2023, Cơ quan điều tra đã tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự đối với hành vi của Bùi Minh Đ1 để tiếp tục xác minh, làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật là

đúng. Hiện nay, theo quyết định 76, 171/QĐ – VPCQĐT ngày 05/12/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra đối với Đ1 về tội Nhận hối lộ theo quy định tại khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

[3]. Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 650.000.000đ chiếm đoạt của ông Nguyễn Đắc D, bà Phạm Thu H đã được Nguyễn Công V trả xong. Tại phiên tòa, ông D và bà H không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 300.000.000đ chiếm đoạt của ông Phùng Minh L, bà Nguyễn Thị Ngọc L. Đến thời điểm này, bị cáo chưa thanh toán số tiền này nhưng ông L, bà L không yêu cầu V phải bồi thường, sau này không kiện cáo gì liên quan đến số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 590.000.000đ chiếm đoạt của ông Đ, ông Đ cho rằng mình không bị lừa, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Nguyễn Văn Đ và gia đình ông Bùi Thanh B. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng chuyển nhượng được ký kết giữa gia đình ông B và ông Đ song thực chất của việc ký kết này là giao dịch mua bán giữa ông Đ và bị cáo V, việc ông B ký vào hợp đồng chuyển nhượng là do bị bị cáo V lừa, ông B cho rằng bị cáo V có toàn quyền quyết định quyền sử dụng thửa đất 517, giao dịch giữa các bên căn cứ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Bùi Thanh B là giả, ông B thừa nhận chỉ bán đất cho Công ty F. Nên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có giá trị pháp lý, không được công nhận.

Ông Đ khai là số tiền chuyển nhượng phải là 1.500.000.000đ, tuy nhiên căn cứ vào hồ sơ vụ án chỉ chứng minh được số tiền chiếm đoạt là 590.000.000đ (trong đó 370.000.000đ chuyển vào tài khoản bà Phạm Thu H, 126.000.000đ chuyển vào tài khoản của bị cáo V, 14.000.000đ chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn Duy Th, 30.000.000đ chuyển vào tài khoản của anh Đ1 và 50.000.000đ tiền chăm sóc cây cối trả cho ông B thông qua tài khoản của Đ1), đây là số tiền mà bị cáo V và ông Đ có thỏa thuận việc giao nhận tiền khi nhận chuyển nhượng đất, ông Đ tự nguyện chuyển tiền theo yêu cầu bị cáo V nên bị cáo V phải có trách nhiệm bồi thường lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho ông Đ.

Ông Đ xác nhận không có việc ông B trả lại ông số tiền 50.000.000đ (tiền trông coi cây cối). Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B vắng mặt, không có tài liệu chứng minh ông B đã giao cho ông Đ số tiền 50.000.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét. Số tiền 50.000.000đ này sẽ được giải quyết giữa bị cáo V và ông B khi có yêu cầu.

Đối với số tiền 5.000.000đ mà bị cáo V đưa cho anh Đ1, số tiền 30.000.000đ mà theo như ông Đ, anh Đ1 khai là V bảo đưa cho anh Đ1 để trừ vào tiền đất và 20.000.000đ là ông Đ cho để cảm ơn. Theo tài liệu cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh cung cấp thì hiện nay số tiền này đã được gia đình anh Đ1 giao nộp trong vụ án mà Đ1 bị khởi tố về tội Nhận hối lộ nên số tiền trên sẽ được xem xét khi xét xử trong vụ Nhận hối lộ.

Đối với số tiền 200.000.000đ, ông B khai khi bị cáo nói là Công ty F bán đất cho bị cáo nên ông B có yêu cầu bị cáo V hỗ trợ thêm cho ông B do diện tích đất tăng thêm. Do đó không xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 56; Điều 48 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh, hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công V phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công V 13 (mười ba) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 03 (ba) năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 16 (mười sáu) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 17 (Mười bảy) năm 08 (tám) tháng 10 (mười) ngày tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 800/2023/HS – PT ngày 17/10/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Buộc bị cáo Nguyễn Công V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 (Ba mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Công V phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 590.000.000đ (Năm trăm chín mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Công V phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 29.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bị cáo Nguyễn Công V, bị hại ông Phùng Minh L, bà Nguyễn Thị Ngọc L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần đầu tư tài chính F, ông Bùi Thanh B, bà Nguyễn Thị H, chị Bùi Thanh Th, anh Nguyễn Duy Th có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm.

Bị hại ông Nguyễn Đắc D, bà Phạm Thu H, ông Nguyễn Văn Đ, anh Bùi Minh Đ1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Trại tạm giam 01 - CA tp Hà Nội;
- CQCSĐT CA tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Liễu